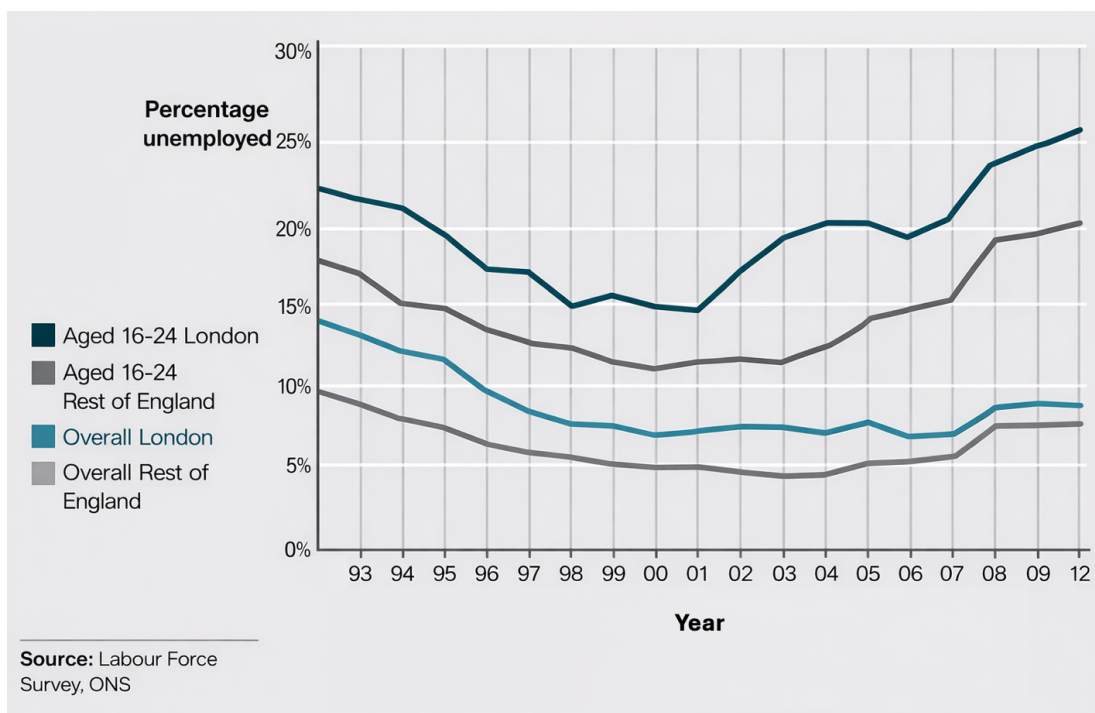


WRITING TASK 1

CHALLENGE 1

DẠNG BÀI: LINE GRAPH

The chart below shows changes in young adult unemployment rates in England between 1993 and 2012



BƯỚC 1: Đọc đề và thực hiện theo các bước sau:

- 1/ Tạo structure (dàn ý) cho bài (có mấy đoạn, mỗi đoạn viết gì)
- 2/ Xác định 1-2 điểm nổi bật nhất và chung nhất để làm câu nhận xét tổng quan (overview) + Các key features mà bạn sẽ mô tả về chart (Body paragraphs)



Next Level English

Take your English to the next level with IELTS teachers 8.0+

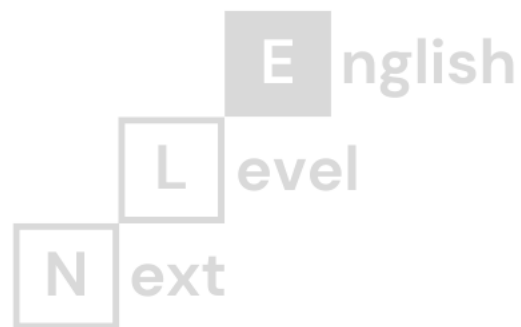
Website: nextlevelenglish.vn

Fanpage/YouTube: [Next Level English](#)

Group: [Học IELTS 8.0+ cùng Hanna](#)

Phone: 0869.354.255 (Zalo – Nuhao)

BƯỚC 2: Tự viết bài theo ý của bạn (min 150 từ), cố gắng canh thời gian ≤ 20 phút.





BƯỚC 3: Đọc bài mẫu và học từ vựng

Sample essay (Simon_band 9.0)

The line graph compares levels of unemployment among 16 to 24-year-olds with overall unemployment figures over a period of 20 years in England.

It is clear that the proportion of young adults who were unemployed at any time between 1993 and 2012 was significantly higher than the overall proportion of adults without work. Unemployment rates for both groups of adults were consistently higher in London than in the rest of England.

In 1993, around 18% of English 16 to 24-year-olds living outside London were unemployed, but the figure for those living in the capital was 5% higher, at 22%. Similarly, the overall adult unemployment rate in London, at 14%, was 4% higher than the rate in the rest of England. While levels of joblessness fell significantly over the following 10 years, the trend for higher levels in London and among young adults continued.

Young adult unemployment in England rose dramatically between 2002 and 2012, from 12% to 21% outside London, and from around 15% to a peak of 25% in the capital. By contrast, the proportions of all adults without work remained below 10%, both in London and in the rest of the country.

(194 words)

1/ Structure essay (dàn ý)

Paragraph 1 – Introduction

- Paraphrases the task question.
- States what is being compared (young adult vs overall unemployment, time period, location).

Paragraph 2 – Overview

- Summarises the main trends without data.
- Highlights two key features:
 - Youth unemployment was consistently higher than overall unemployment.
 - Unemployment was higher in London than in the rest of England.

Paragraph 3 – Details (1993–early 2000s)

- Provides specific figures for 1993.
- Compares London vs outside London.
- Describes the downward trend over the following decade.

Paragraph 4 – Details (2002–2012)

- Describes the sharp rise in youth unemployment.
- Contrasts this with relatively stable, low overall unemployment rates.

2/ Dịch song ngữ:

English	Vietnamese
The line graph compares levels of unemployment among 16- to 24-year-olds with overall unemployment figures over a period of 20 years in England.	Biểu đồ đường so sánh mức độ thất nghiệp của nhóm tuổi 16–24 với tỷ lệ thất nghiệp chung trong giai đoạn 20 năm tại Anh.
It is clear that the proportion of young adults who were unemployed at any time between 1993 and 2012 was significantly higher than the overall proportion of adults without work. Unemployment rates for both groups were consistently higher in London than in the rest of England.	Có thể thấy rõ rằng tỷ lệ thanh niên thất nghiệp trong giai đoạn 1993–2012 cao hơn đáng kể so với tỷ lệ thất nghiệp chung của người trưởng thành. Tỷ lệ thất nghiệp của cả hai nhóm luôn cao hơn một cách ổn định ở London so với các khu vực còn lại của Anh.
In 1993, around 18% of English 16- to 24-year-olds living outside London were unemployed, but the figure for those living in the capital was 5% higher , at 22% .	Năm 1993, khoảng 18% người Anh từ 16–24 tuổi sống ngoài London bị thất nghiệp, trong khi con số này ở thủ đô cao hơn 5% , đạt 22% .
Similarly , the overall adult unemployment rate in London, at 14% , was 4% higher than the rate in the rest of England.	Tương tự, tỷ lệ thất nghiệp chung của người trưởng thành tại London là 14% , cao hơn 4% so với các khu vực khác của Anh.
While levels of joblessness fell significantly over the following 10 years, the trend for higher levels in London and among young adults continued .	Mặc dù mức độ thất nghiệp giảm đáng kể trong 10 năm tiếp theo, xu hướng thất nghiệp cao hơn tại London và trong nhóm thanh niên vẫn tiếp diễn .
Young adult unemployment in England rose dramatically between 2002 and 2012, from 12% to 21% outside London, and from around 15% to a peak of 25% in the capital.	Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên tại Anh tăng mạnh trong giai đoạn 2002–2012, từ 12% lên 21% ở ngoài London, và từ khoảng 15% lên đỉnh 25% tại thủ đô.
By contrast , the proportions of all adults without work remained below 10% , both in London and in the rest of the country.	Ngược lại, tỷ lệ thất nghiệp của toàn bộ người trưởng thành luôn dưới 10% , cả ở London và các khu vực khác của đất nước.

3/ Vocab and Grammar:

3.1/ VOCABULARY:

Từ / Cụm / Cấu trúc	Loại	Nghĩa tiếng Việt	Synonym	Antonym
line graph	n	biểu đồ đường	line chart; linear graph; trend graph	-
compares	v	so sánh	contrasts; compares with; draws a comparison	-
levels of unemployment	n phr	mức độ thất nghiệp	unemployment levels; unemployment rates; jobless levels	employment
overall unemployment figures	n phr	số liệu thất nghiệp chung	total unemployment data; overall jobless figures; aggregate unemployment figures	-
over a period of 20 years	prep phr	trong khoảng thời gian 20 năm	over two decades; across a 20-year period; during 20 years	-
it is clear that	structure	rõ ràng là	it is evident that; it is apparent that; it can be seen that	-
the proportion of	n phr	tỷ lệ của	percentage of; share of; proportion	-
significantly higher than	adv + adj	cao hơn đáng kể so với	considerably higher than; much higher than; markedly higher than	significantly lower than
overall proportion	n phr	tỷ lệ chung	total proportion; overall share; aggregate proportion	-
consistently higher	adv + adj	luôn cao hơn	persistently higher; continually higher; remained higher	-
in the rest of England	prep phr	ở phần còn lại của nước Anh	outside London; elsewhere in England; other parts of England	-
around	adv	khoảng	approximately; roughly; about	exactly
the figure for	n phr	con số của	the number for; the figure relating to; the value for	-
similarly	linking adv	tương tự	likewise; in a similar way; correspondingly	-

Từ / Cụm / Cấu trúc	Loại	Nghĩa tiếng Việt	Synonym	Antonym
while	conjunction	trong khi	whereas; whilst	-
fell significantly	v + adv	giảm mạnh	dropped sharply; declined markedly; fell considerably	rose significantly
the trend continued	n + v	xu hướng tiếp diễn	the pattern persisted; the trend remained; the trend carried on	the trend reversed
rose dramatically	v + adv	tăng mạnh	surged; rose sharply; increased dramatically	fell dramatically
from ... to ...	structure	từ ... đến ...	increased from ... to ...; rose from ... to ...; changed from ... to ...	-
a peak of	n phr	đạt đỉnh ở mức	a high of; the highest point of; a maximum of	a low of
by contrast	discourse marker	trái lại	in contrast; conversely; on the other hand	-
remained below	v phr	duy trì dưới mức	stayed under; remained beneath; stayed below	exceeded

3.2/ NGỮ PHÁP & CẤU TRÚC HAY DÙNG CHO WRITING TASK 1

1. Câu mở bài mô tả biểu đồ

"The line graph compares ... over a period of ..."

- ◆ Công thức cho **Introduction** Task 1
- ◆ Động từ hay dùng: *compares, illustrates, shows*

2. Cấu trúc "It is clear that ..." (câu nhận xét tổng quan)

It is clear that the proportion of young adults ... was significantly higher ...

- ◆ Dùng cho **Overview**
- ◆ Thể hiện nhận định tổng quát, không cần số liệu

3. So sánh hơn kèm trạng từ nhấn mạnh

significantly higher than

consistently higher

- ◆ Rất ăn điểm **TA & LR**
- ◆ Có thể thay bằng: *slightly / marginally / considerably*



4. Câu phức dùng “while / whereas”

While levels of joblessness fell..., the trend ... continued.

- ◆ So sánh **hai xu hướng đối lập trong cùng 1 câu**
- ◆ Tránh viết nhiều câu ngắn rời rạc

5. Cấu trúc mô tả xu hướng + thời gian

rose dramatically between 2002 and 2012

- ◆ Công thức:

V + adv + between + time 1 + and + time 2

6. Cấu trúc “from ... to ...”

from 12% to 21%

- ◆ Bắt buộc dùng khi mô tả **sự thay đổi có điểm đầu – cuối**

7. Cụm “By contrast”

By contrast, there were no significant changes ...

- ◆ Dùng để chuyển sang nhóm đối tượng có xu hướng trái ngược
- ◆ Tạo liên kết logic rõ ràng

8. Cấu trúc “remain + adj / below / above”

remained below 10%

- ◆ Rất hay dùng khi **không có biến động lớn**

BƯỚC 4: Sau khi đã học từ bài mẫu, nếu được enhance bài viết của bạn, bạn sẽ viết lại thế nào?